

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 294/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án đầu tư xây dựng công trình lộ thiên khai thác mỏ đất san lấp đồi
Nhà Bàng, xóm Thanh Tiến, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình lộ thiên khai thác mỏ đất san lấp đồi Nhà Bàng, xóm Thanh Tiến, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 07/01/2022;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình lộ thiên khai thác mỏ đất san lấp đồi nhà Bàng, xóm Thanh Tiến, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 38/CV-CT ngày 25/01/2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại tổng hợp Minh Thành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 715/STNMT-BVMT ngày 27/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình lộ thiên khai thác mỏ đất san lấp đồi nhà Bàng, xóm



Thanh Tiên, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương (sau đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại tổng hợp Minh Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Thanh Chương, Chủ tịch UBND Võ Liệt, Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại tổng hợp Minh Thành và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỘ THIÊN KHAI THÁC MỎ
ĐẤT SAN LẤP ĐỒI NHÀ BẰNG, XÓM THANH TIẾN, XÃ VÕ LIỆT
HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

(kèm theo Quyết định số: 294 /QĐ-UBND ngày 28 /01/ 2022
của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Đầu tư xây dựng công trình lộ thiên khai thác mỏ đất san lấp đồi Nhà Bằng, xóm Thanh Tiến, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

1.2. Chủ dự án

- Tên chủ dự án: Công ty CP Xây dựng và Thương mại Tổng hợp Minh Thành;

- Địa chỉ liên hệ: Xóm 8, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;

- Điện thoại: 0943270888

- Người đại diện: Ông Lê Bá Nghĩa, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm và phạm vi thực hiện dự án

Dự án mỏ đất san lấp đồi Nhà Bằng thuộc địa phận xóm Thanh Tiến, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An có diện tích 6,66 ha, được UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 07/06/2021, vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất lâm nghiệp xã Võ Liệt và đường vào mỏ;

- Phía Tây giáp đất lâm nghiệp xã Võ Liệt;

- Phía Nam giáp đất lâm nghiệp xã Võ Liệt;

- Phía Bắc giáp đất lâm nghiệp xã Võ Liệt.

1.4. Quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án

1.4.1. Quy mô của dự án

- Dự án đầu tư xây dựng công trình lộ thiên khai thác mỏ đất san lấp đồi Nhà Bằng, xóm Thanh Tiến, xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An có diện tích 6,66 ha;

- Tổng trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 4759/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An là 1.978.976 m³; mức sâu khối trữ lượng phê duyệt sâu nhất đến cao độ +10m.

1.4.2. Công suất

- Công suất khai thác:

$A_n = 160.000 \text{ m}^3$ đất nguyên khai/năm (tương đương với $124.031 \text{ m}^3/\text{năm}$ – đất nguyên khối).

- Tuổi thọ dự án: 15 năm.

1.4.3 Công nghệ khai thác

Dự án sử dụng công nghệ khai thác lộ thiên, công nghệ khai thác xúc bốc - vận tải trực tiếp. Sử dụng máy xúc đào Komatsu PC450 dung tích gầu $2,76 \text{ m}^3$ để xúc đất san lấp cho khách hàng.

1.4.4. Các hạng mục công trình của dự án

a. Hạng mục công trình chính:

- Đường hào mở vỉa: tổng chiều dài đường hào cần phải thi công $L_{tc} = 631 \text{ m}$; khối lượng thi công đào đường: $V_{\text{đào}} = 5.978 \text{ m}^3$; khối lượng đắp đường: $V_{\text{đắp}} = 3.817 \text{ m}^3$.

- Mặt bằng khai thác đầu tiên:

+ Diện khai thác đầu tiên 1: cao độ +55m, diện tích 1.772 m^2 , khối lượng thi công đào 5.864 m^3 .

+ Diện khai thác đầu tiên 2: cao độ +50m, diện tích 1.463 m^2 , khối lượng thi công đào 4.389 m^3 .

b. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Lắp đặt 02 container 20ft có kích thước $6 \text{ m} \times 2,5 \text{ m} \times 2,6 \text{ m}$ nằm trong phạm vi mỏ để phục vụ cho công nhân khi mỏ hoạt động.

- Lắp đặt 01 trạm cân gần khu vực Container.

c. Công trình bảo vệ môi trường:

- Hồ lắng xử lý nước thải từ hoạt động rửa bánh xe, thân xe khi vận chuyển đất ra khỏi mỏ:

+ Kích thước: $3,0 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1,2 \text{ m}$ với thể tích $7,2 \text{ m}^3$; 01 hồ thu nước kích thước $1 \text{ m} \times 1 \text{ m} \times 1 \text{ m}$ với thể tích $1,0 \text{ m}^3$;

+ Tổng khối lượng thi công đào: $8,2 \text{ m}^3$.

- Bể nước (cầu rửa) lốp xe rửa lốp xe, thân xe (vị trí cho xe đỗ khi xịt, rửa):

+ Kích thước: $12 \times 6 = 72 \text{ m}^2$; dày $0,3 \text{ m}$;

+ Thể tích cầu rửa lốp xe $21,6 \text{ m}^3$;

+ Khối lượng thi công xây dựng: $V = 21,6 \text{ m}^3$;

+ Đồ bê tông kiên cố.

- Hồ lắng để xử lý nước mưa chảy tràn: đào 01 hồ lắng (chia thành 2 ngăn) có diện tích 300 m^2 , chiều dài 20 m , chiều rộng 15 m , chiều sâu 3 m , dung tích hồ lắng 900 m^3 ;

- Hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa trong khu vực mỏ: tổng chiều dài mương nước 501m, rộng mặt 1,5m; rộng đáy 0,5m; sâu 1,0m; 01 cống thoát nước có đường kính 0,4m, tổng chiều dài 24m.

- Bố trí 02 container 20ft có kích thước 6m x 2,5m x 2,6m; có các vách ngăn riêng biệt bao gồm kho lưu chứa nguyên vật liệu, kho chứa chất thải nguy hại, kho chứa chất thải sinh hoạt và kho đặt nhà vệ sinh di động.

- Sử dụng nhà vệ sinh di động: bố trí nằm trong container cùng với kho chất thải rắn và kho chất thải nguy hại (gần khu vực văn phòng làm việc và nhà nghỉ tạm công nhân); thể tích lưu chứa 1,5m³/ngày.đêm.

- Bãi thải (lưu giữ đất tầng phủ, đất bóc): hình thành trong quá trình thực hiện khai thác tạo bãi thải tạm với diện tích 0,56 ha (bố trí tại khu vực phía Tây Nam), chiều cao đống thải trung bình 5,0m; dưới chân bãi thải đắp đê bao cao khoảng 3m, lèn chặt K = 0,98 để ngăn bùn đất tràn ra ngoài môi trường;

- Kho chất thải sinh hoạt (bố trí 01 ngăn làm kho lưu giữ chất thải sinh hoạt nằm trong container đặt ở phía Đông Bắc của mỏ): diện tích 2,5m²; kích thước 2,5m x 1m; trong đó bố trí 02 thùng composite dung tích 50 lít, có nắp đậy;

- Kho chất thải nguy hại (bố trí 01 ngăn làm kho lưu giữ chất thải nguy hại nằm trong container đặt ở phía Đông Bắc của mỏ): diện tích 2,5m² (2,5m x 1m); mặt sàn không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; trong đó bố trí 03 thùng composite dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Bảng 1. Các tác động môi trường chính của dự án

T	Nguồn gây tác động	Yếu tố tác động	Đối tượng tác động
	Từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án		
	Hoạt động đào, đắp	- Bụi, khí thải; - Tiếng ồn.	- Người lao động trực tiếp; - Môi trường không khí; - Cộng đồng dân cư xung quanh.
	Nước mưa chảy tràn	Các chất ô nhiễm trên bề mặt bị kéo theo khi có mưa	- Môi trường nước, đất; - Môi trường không khí; - Ô nhiễm nguồn nước mặt; - Gây trượt lở, xói mòn, lũ quét; - Các sự cố môi trường.
	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh	- Môi trường đất, nước khu vực

T	Nguồn gây tác động	Yếu tố tác động	Đối tượng tác động
	nhân	hoạt; - Chất thải rắn sinh hoạt; - Chất thải nguy hại.	Dự án; - Cộng đồng dân cư xung quanh; - Các nguyên nhân xuất hiện bệnh dịch; - Suy thoái môi trường đất và nước.
	Hoạt động sửa chữa máy móc	Các chất thải nguy hại và dầu mỡ, nước thải	- Môi trường nước, đất; - Thoái hoá môi trường đất, nước.
Từ hoạt động khai thác của dự án			
	Hoạt động khai thác đất: xúc bốc, vận chuyển	- Bụi, khí thải; - Tiếng ồn.	- Người lao động trực tiếp; - Môi trường không khí; - Người dân tham gia giao thông
	Nước mưa chảy tràn	Nước thải	- Môi trường nước, đất.
	Các sự cố, rủi ro (tai nạn lao động, sự cố trượt lở, xói mòn do mưa, bão...)	Tai nạn và sự cố rủi ro khác	- Công nhân; - Thiết bị, máy móc, tài sản; - Môi trường đất, nước; - Hệ sinh thái.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn xây dựng

a. Nước mưa chảy tràn

- Lượng phát sinh lớn nhất: 682,78m³/ngày;
- Thành phần, tính chất: nước thải chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, cát sỏi, đất,...

b. Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công

- Lượng phát sinh: 0,225m³/ngày;
- Thành phần, tính chất: chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

2.2.2. Giai đoạn khai thác

a. Nước mưa chảy tràn

- Lượng phát sinh: 5.024,4m³/ngày;

- Thành phần, tính chất: nước thải chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, cát sỏi, đất,...

b. Nước thải sinh hoạt

- Lượng phát sinh: $0,36\text{m}^3/\text{ngày}$;

- Thành phần, tính chất: nước thải này chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

c. Nước thải từ hoạt động rửa làm sạch bánh xe

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa làm sạch bánh xe, thân xe có khối lượng phát sinh ước tính khoảng $6\text{m}^3/\text{ngày}$;

- Thành phần, tính chất: cặn đất, chất rắn lơ lửng,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Bụi và khí thải do quá trình san lấp mở đường, tạo mặt bằng khai thác;

- Bụi, khí thải do các phương tiện, máy móc thi công;

- Thành phần, tính chất: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC,...

2.3.2. Giai đoạn khai thác

- Nguồn phát sinh:

+ Bụi phát sinh trên công trường khai thác mỏ, hoạt động đào bóc đất hữu cơ, hoạt động lưu chứa đất tại bãi thải;

+ Bụi phát sinh do quá trình vận chuyển đất san lấp từ vùng khai thác nguyên liệu đến nơi tiêu thụ;

+ Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị hoạt động trên công trường khai thác mỏ và phương tiện vận tải vận chuyển đất đi san lấp.

- Thành phần, tính chất: bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn khai thác có thành phần chủ yếu là bụi và các loại khí thải như CO, SO₂, NO₂,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

2.4.1. Giai đoạn xây dựng

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Khối lượng phát sinh từ công nhân: $1,75\text{kg}/\text{ngày}$;

- Thành phần, tính chất: các chất hữu cơ (thực phẩm thừa,...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân hủy (túi nilong, vỏ chai thủy tinh, giấy,...).

b. Chất thải rắn xây dựng:

- Sinh khối: $178,375\text{m}^3$.

- Đất bóc tầng phủ: $3.608,1\text{ m}^3$.

2.4.2. Giai đoạn khai thác

a. Chất thải rắn sản xuất:

- Sinh khối: $0,8586\text{m}^3/\text{năm}$;

- Đất bóc tầng phủ: diện tích toàn khu mỏ là 6,66 ha; diện tích bóc phủ giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ là 0,95ha; diện tích bóc phủ giai đoạn khai thác là 5,71ha sẽ được bóc xúc thu gom trong 10 năm: $57.100\text{m}^2 \times 0,38\text{m} = 21.698\text{m}^3$.

- Bùn thải từ nạo vét hồ lắng, mương thoát nước: $90\text{m}^3/\text{năm}$.

+ Thành phần, tính chất: thành phần đất sét lẫn cát, mùn thực vật có màu xám đen, xám nâu.

b. Chất thải sinh hoạt:

- Khối lượng phát sinh từ sinh hoạt công nhân và bùn cặn từ nhà vệ sinh di động: 4kg/ngày;

- Thành phần, tính chất: các chất hữu cơ (thực phẩm thừa,...) và các chất vô cơ, hữu cơ khó phân hủy (túi nilong, vỏ chai thủy tinh, giấy,...).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn xây dựng

- Khối lượng phát sinh: 2 kg/tháng (khoảng 6 kg/thời gian xây dựng);

- Thành phần, tính chất: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, thùng sơn, bóng đèn neon sau sử dụng,...

2.5.2. Giai đoạn khai thác

- Khối lượng phát sinh: 5kg/tháng;

- Thành phần, tính chất: giẻ lau dính dầu mỡ, bình ắc quy cũ, thùng sơn, bóng đèn neon sau sử dụng,...

2.6. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

2.6.1. Giai đoạn xây dựng

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công tuyến đường vào mỏ, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động tạo ra tiếng ồn cao, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trên mỏ.

- Độ rung: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.

2.6.2. Giai đoạn hoạt động của dự án

- Tiếng ồn: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc khai thác mỏ, phương tiện vận chuyển. Các máy móc khi hoạt động sẽ tạo ra tiếng ồn cao, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trên mỏ và người dân cạnh tuyến đường vận chuyển.

- Độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc khai thác mỏ, phương tiện vận chuyển. Dự báo độ rung ở giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân khu vực mỏ và dân cư gần tuyến đường vận chuyển.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

a. Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

- Bố trí mương thu gom nước mưa chảy tràn vào hồ lắng và dẫn nước từ hồ lắng ra hệ thống thoát nước mưa khu vực. Tổng chiều dài mương nước 501m; sâu 1,0m, rộng trên 1,5m, rộng đáy 1,0m;

- Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, gia cố mặt bằng, taluy chống xói lở, rửa trôi;

- Thực hiện nạo vét tạo mương thoát nước dọc tuyến đường;

- Đầm nén mặt bằng kịp thời chống lầy hóa, rửa trôi;

- Không hoạt động xây dựng, san gạt vào những ngày mưa;

- Thực hiện thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, không để cuốn theo nước mưa chảy tràn;

- Xây dựng 01 hồ lắng (chia thành 02 ngăn) có kích thước: 20m x 15m = 300m², chiều sâu 3m, thể tích hồ lắng là 900m³.

b. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Lắp đặt nhà vệ sinh di động có dung tích chứa 1,5m³; định kỳ 1 tháng/lần hoặc khi đầy bể hay khi cần thiết thuê đơn vị có chức năng tiến hành hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định hiện hành. Không phát sinh nước thải sinh hoạt ra môi trường.

3.1.2. Giai đoạn khai thác

a. Nước rửa làm sạch bánh xe:

Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe chủ yếu chứa cặn đất, chất rắn lơ lửng sẽ thu gom vào 01 hồ lắng kích thước 3,0m x 2m x 1,2m với thể tích 7,2m³ và 01 hồ thu nước kích thước 1m x 1m x 1m tại khu vực trước cổng ra vào khu vực Dự án; để lắng lọc trước khi tái tuần hoàn hoặc thải ra môi trường.

b. Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

- Tiếp tục sử dụng mương thu gom nước mưa chảy tràn vào hồ lắng và dẫn nước từ hồ lắng ra hệ thống thoát nước mưa khu vực. Tổng chiều dài mương nước 501m; sâu 1,0m, rộng trên 1,5m, rộng đáy 1,0m;

- Tiếp tục sử dụng 01 hồ lắng đã xây dựng trong giai đoạn xây dựng cơ bản;

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy các hồ lắng để đảm bảo hiệu quả việc xử lý nước mưa chảy tràn.

c. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Lắp đặt nhà vệ sinh di động có dung tích chứa 1,5m³ và định kỳ 1 tháng/lần hoặc khi cần thiết thuê đơn vị có chức năng tiến hành thu hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định hiện hành. Không phát sinh nước thải sinh hoạt ra môi trường. Không phát sinh nước thải sinh hoạt ra môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn xây dựng

- Sử dụng các phương tiện vận chuyên, máy móc thi công còn hạn đăng kiểm; bảo dưỡng các phương tiện chuyên chở, thi công đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo quy định;

- Phủ bạt che kín thùng xe vận chuyên nhằm giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường;

- Không chở quá tải làm ảnh hưởng đến chất lượng tuyến đường vận chuyên;

- Phun tưới ẩm đường vận chuyên nội mỏ, các bãi san gạt nhiều bụi, các bãi xúc bốc và những vị trí nhiều bụi khác trong những ngày nắng nóng, tần suất 2 lần/ngày (10h sáng và 15h chiều), thời điểm khô hanh thực hiện phun tưới ẩm tần suất 4 lần/ngày.

3.2.2. Giai đoạn khai thác

a. Đối với bụi từ quá trình khai thác và vận chuyên đất:

- Thực hiện biện pháp làm sạch lốp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi như sau: trên tuyến đường vận chuyên khi ô tô vận chuyên tới công ra vào mỏ tiến hành lắp đặt bể nước ($12 \times 6 = 72\text{m}^2$, sâu 0,3m), sử dụng bơm xuyt làm sạch lốp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi cuốn theo từ lốp xe. Khối lượng nước để xịt rửa bánh xe, phương tiện khoảng $6\text{m}^3/\text{ngày}$;

- Tưới ẩm tuyến đường vận chuyên từ mỏ ra đường Quốc lộ 46C dài khoảng 73m, lòng đường rộng 9m và tuyến đường nội mỏ dài khoảng 531m; bề rộng đường 9m; chỉ tiêu cấp nước theo QCVN 01:2021/BXD là $0,4 \text{ lít}/\text{m}^2$; vào những ngày nắng nóng, tần suất tưới ẩm dự kiến 2 lần/ngày, lượng nước cần sử dụng tương đương khoảng $4,35\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

- Duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyên mỏ như gia cố đường, lu lèn tạo mặt phẳng bề mặt,... để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa;

- Phủ bạt che kín thùng xe vận chuyên nhằm giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường.

b. Đối với khí thải do phương tiện sử dụng dầu diesel:

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác khai thác và vận chuyên. Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe, thiết bị thi công công trình để giảm tiếng ồn và khí thải phát ra từ động cơ;

- Sử dụng nhiên liệu có gốc xuất xứ rõ ràng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định để hạn chế lượng khí thải phát sinh;

- Bố trí ca lao động hợp lý, tắt các phương tiện hoạt động khi không cần thiết. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm khẩu trang chống bụi, áo quần, mũ bảo hộ lao động.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

a. Chất thải xây dựng:

- Sinh khối thực vật thu được từ quá trình phát quang thảm thực vật: bán toàn bộ cây thông, keo trong phạm vi dự án để làm gỗ nguyên liệu, đối với lượng sinh khối là cành, lá, rễ cây không được người dân tận dụng để bán hoặc làm củi, phần còn sót lại sẽ hợp đồng với Công ty môi trường đóng trên địa bàn huyện Thanh Chương để thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định;

- Lớp đất bóc tầng phủ: đất bóc phong hoá sẽ được giữ lại tại bãi lưu giữ để tận dụng cho công tác phục hồi môi trường sau này;

b. Chất thải sinh hoạt:

- Trong phạm vi mỏ bố trí 01 kho lưu giữ chất thải sinh hoạt diện tích $2,5m^2$ trong đó bố trí 02 thùng composite dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải sinh hoạt; cuối ngày chuyển giao cho đơn vị môi trường địa phương vận chuyển đi xử lý theo hợp đồng ký kết.

- Bùn cặn từ nhà vệ sinh: hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút đưa đi xử lý theo quy định, tần suất định kỳ 1 tháng/lần định kỳ hoặc khi đầy bể hoặc khi cần thiết.

3.3.2. Giai đoạn khai thác

a. Chất thải sinh hoạt:

- Tiếp tục phân loại, thu gom vào thùng lưu giữ chất thải sinh hoạt đặt trong kho lưu giữ chất thải sinh hoạt đã lắp đặt ở giai đoạn xây dựng và chuyển giao cho đơn vị môi trường địa phương vận chuyển đi xử lý theo hợp đồng ký kết;

- Phân loại chất thải sinh hoạt: rác thải có nguồn gốc từ kim loại hoặc nhựa được thu gom bán phế liệu; rác thải có nguồn gốc là hữu cơ, dễ phân hủy được thu gom hàng ngày và vận chuyển đi xử lý.

b. Đất bóc phủ:

Khối lượng đất hữu cơ không đủ điều kiện làm đất san lấp sẽ được máy xúc chuyển về bãi thải tạm thời phục vụ công tác hoàn thổ khi các vị trí moong khai thác hết.

+ Phương án lưu giữ tại các bãi thải tạm:

Khối lượng đất hữu cơ không đủ điều kiện làm đất san lấp sẽ được máy xúc chuyển về bãi thải tạm thời phục vụ công tác hoàn thổ khi các vị trí moong khai thác hết.

Kế hoạch lưu giữ đất hữu cơ: từ năm khai thác thứ nhất đất phủ được dồn gom đóng trên khai trường rồi chuyển về bãi tập kết tạm thời tại vị trí phía Tây Nam khu mỏ (0,56ha) phục vụ công tác hoàn nguyên, trồng cây. Chiều cao đống thải trung bình 5m. Để đảm bảo an toàn của bãi thải, cũng như hạn chế lượng bùn đất cuốn trôi ra môi trường xung quanh thì khu vực đống đất phủ sẽ được đắp đê bao ở phía chân (của bãi thải) cao 3,0m và đầm nén chặt $K = 0,98$, trồng cây xung quanh

khu vực này để tránh trôi trượt đất đá vào thời điểm có mưa, đồng thời tạo mương thoát nước tại khu vực bãi thải.

- Tiến hành kiểm tra và tu sửa kịp thời tuyến đường vận chuyên, tránh hiện tượng đường gồ ghề làm rơi vãi đất trong quá trình vận chuyên.

- Các loại chất thải khác:

+ Đối với hoạt động nạo vét hồ lắng: định kỳ nạo vét 3 lần/năm và đưa về bãi đổ đất bóc phong hóa để đổ.

+ Bùn cặn từ nhà vệ sinh: hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút đưa đi xử lý theo quy định, định kỳ 1 tháng/lần (hoặc khi đầy hay khi cần thiết)

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn xây dựng

- Hạn chế việc thay dầu máy móc tại khu vực mỏ mà đưa ra cơ sở sửa chữa thay dầu mỡ;

- Trong phạm vi mỏ bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại (nằm trong container) diện tích 2,5m² (được bọc kín bằng tôn kín; có mái che; lắp đặt biển báo; kích thước khoảng 2,5m x 1m; mặt sàn không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào) trong đó bố trí 03 thùng composite dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại;

- Quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyên và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

3.4.2. Giai đoạn khai thác

Tiếp tục sử dụng kho lưu giữ chất thải nguy hại đã lắp đặt ở giai đoạn xây dựng cơ bản và thực hiện các biện pháp giảm thiểu như đã trình bày tại mục 3.4.1.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn xây dựng

- Đối với tiếng ồn, độ rung:

đúng tiêu chuẩn được trang bị cho công nhân làm việc ở những nơi có mức độ tiếng ồn cao;

+ Bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện, máy móc thi công, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt; + Cabin điều khiển thiết bị máy móc (máy khoan, máy xúc, ô tô,...) phải đảm bảo độ cách âm tốt;

+ Các động cơ phải được che kín phù hợp, tiếng ồn của động cơ hoặc máy móc được đóng kín bằng các vật liệu cách âm;

+ Các thiết bị bảo vệ tai

+ Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị giảm thanh trên các phương tiện thi công, vận chuyển;

+ Xe tải vận chuyển chỉ được chạy với vận tốc tối đa 20km/h khi hoạt động trong khu vực dự án.

- An toàn giao thông:

+ Định kỳ duy tu, bảo dưỡng tuyến đường chờ nguyên vật liệu và sản phẩm từ mỏ ra Quốc lộ 46C để đảm bảo phục vụ hoạt động vận chuyển của dự án;

+ Nghiêm túc tuân thủ Luật Giao thông đường bộ và thực hiện quy định đã cam kết.

3.5.2. Giai đoạn khai thác

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp tại mục 3.5.1;

- Sử dụng các loại máy móc phải đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung;

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của nhà nước. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu không cần thiết;

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao,...

3.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

3.6.1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Trồng cây đai bảo vệ

Kết thúc khai thác mỏ để lại các đai bảo vệ với diện tích là 10.950m² (~1,095 ha) chiều rộng mỗi đai bảo vệ là 2,2m. Tại các đai bảo vệ khu vực này vẫn là lớp đất phong hóa hoàn toàn, mạnh đến vừa, cấp đất đá từ <V, tương ứng với cường độ kháng nén $\leq 240\text{kG/cm}^2$, máy xúc có thể đào, tiến hành đào hố và trồng cây keo lá tràm với mật độ trồng 2.500 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 40% mật độ cây trồng (tỷ lệ này được trồng dặm trong thời gian 3 năm đầu chăm sóc cây).

Thời gian thực hiện: Trong toàn bộ quá trình khai thác, khai thác đến đâu cải tạo bờ moong đến đấy.

b) Trồng cỏ Ghinê trên các sườn tầng

Kết thúc khai thác mỏ để lại các sườn tầng với diện tích là: 17.250m² (17.250m² là hình chiếu của taluy trên bản đồ kết thúc khai thác của dự án bằng phần mềm Autocad 2014) được gieo hạt trồng cỏ Ghinê (mật độ 10 kg hạt/ha).

Thời gian thực hiện:

Trong toàn bộ quá trình khai thác, khai thác tạo đai bảo vệ đến đâu, thực hiện cải tạo đến đấy.

c) Lắp hàng rào, biển báo xung quanh moong

Khu vực khai thác với tổng chiều dài bờ moong cần phải lắp đặt biển báo là 650m nên cần lắp đặt 7 biển báo xung quanh moong (cứ 100m bố trí 1 biển báo).

Biển báo hình chữ nhật kích thước $0,6\text{m} \times 0,6\text{m}$ có ghi chữ “KHU VỰC NGUY HIỂM” màu đen. Biển báo được gắn trên các cột bằng bê tông cốt thép (chiều dài cột 2,7m).

Sau đó đan hàng rào dây thép gai xung quanh khu vực moong khai thác để bảo vệ cây đã trồng. Các dây thép gai phương ngang được buộc vào giữa 2 cột (các cột của biển báo), khoảng cách giữa các dây thép ngang 25cm, dây thép chiều dọc song song với cột bê tông khoảng cách 25cm được liên kết với dây thép ngang bằng cách dùng dây thép để buộc lại. Với chiều rộng là 1m, chiều dài bằng chiều dài bờ moong 650m. Như vậy có khối lượng hoàn thành là 650m^2 lưới dây thép gai.

Để tạo sự chắc chắn cho hàng rào dây thép gai, tiến hành trồng các trụ bê tông cốt thép xen kẽ các biển báo. Tổng chiều dài bờ moong là 650m, khoảng cách các cột trụ là 2,5m, cần lắp đặt 260 cột trụ bê tông với chiều cao mỗi cột là 2,7m.

Thời gian thực hiện:

Trong toàn bộ quá trình khai thác, khai thác tạo moong sâu đến đâu lắp đặt hàng rào và biển báo đến đấy.

d) Công tác san gạt và trồng cây đáy moong sau kết thúc khai thác

Trong quá trình khai thác để lại bề mặt đáy moong tại code +10m với tổng diện tích: 38.400m^2 (3,84ha) cần tiến hành san gạt, tạo mặt bằng. Toàn bộ đất san gạt đáy moong được lấy từ bãi lưu chứa đất phủ tạm thời phía Bắc khu mỏ (khối lượng đất tại bãi trữ ban đầu khoảng 25.308m^3 , dự kiến hao còn khoảng 24.880m^3

Khối lượng đất để san lấp hố lũng là 900m^3 . Khối lượng đất còn lại để san gạt mặt bằng đáy moong là: $24.880 - 900 = 23.980\text{m}^3$. Ngoài ra, cần mua bổ sung lớp đất màu phủ phía trên với chiều dày 0,7m, khối lượng đất màu cần bổ sung là: $38.400 \times 0,7 = 26.880\text{m}^3$. Tổng khối lượng đất màu cần mua là: 2.900m^3 Tổng khối lượng đất san gạt đáy moong là: 26.880m^3 . Trong quá trình san gạt tạo độ dốc của mặt bằng sau san gạt 1 – 2% để đảm bảo thoát nước. Đất màu được mua tại các đơn vị cung cấp gần khu vực dự án (trong bán kính 20km).

Thời gian thực hiện: kết thúc khai thác.

e. Công tác cải tạo phục hồi môi trường mặt bằng khu phụ trợ và hố lũng

- Khu phụ trợ: đối với nhà ở container và trạm cân tiến hành tháo dỡ, di dời đến vị trí khác. Với 02 nhà Container khối lượng 10 tấn và trạm cân khối lượng 15 tấn.

- Đối với hố lũng: sau khi kết thúc khai thác mở tiến hành san lấp các hố lũng. Kích thước hố lũng $15\text{m} \times 20\text{m} \times 3\text{m}$, khối lượng cần san lấp là 900m^3 . Hố lũng được san lấp vào cuối quá trình phục hồi môi trường (trong quá trình thực hiện phục hồi vẫn sử dụng hố lũng cho việc lắng lọc và thoát nước).

Thời gian thực hiện: kết thúc khai thác.

f. Trồng cây đáy moong

Diện tích cần trồng cây ở đáy moong là 3,84ha, mật độ trồng 2.500 cây/ha, tỷ lệ trồng dặm 40% mật độ cây trồng (tỷ lệ này được trồng dặm trong thời gian 3 năm đầu chăm sóc cây).

Đối với cây giống keo lá tràm hạt tiêu chuẩn cây: tuổi cây đủ tiêu chuẩn xuất vườn: 3-4 tháng, chiều cao cây: 35-40cm, đường kính gốc: 3-4mm, cây sinh trưởng tốt không sâu bệnh. Bộ rễ phát triển tốt, cây không bị cụt ngọn, không nhiều thân.

g. Công tác cải tạo phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mở
 Công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực ngoài biên giới mở nơi bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác, bao gồm các công tác: duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển từ từ mở ra đường Quốc lộ 46C với chiều dài 73m.

Sau khi kết thúc khai thác mỏ tiến hành cải tạo tuyến đường vận tải từ mỏ đến đường Quốc lộ 46C. Giữ nguyên tuyến đường phục vụ cho công tác giao thông giúp người dân đi lại dễ dàng phục vụ cho công việc trồng và chăm sóc cây. Với chiều dài tuyến đường 73m, chiều rộng lòng đường cần cải tạo là 9,0m, trên bề mặt không bằng phẳng cần được cải tạo. Diện tích cần cải tạo để san gạt và lu lèn là (657m²).

Thời gian thực hiện: kết thúc khai thác.

3.6.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền ký quỹ: **1.000.970.000 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bảy mươi ngàn đồng*). Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Số lần ký quỹ: 15 lần

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 200.194.000 đồng.

+ Số tiền ký quỹ từ lần 2 đến lần thứ 15: 57.198.000 đồng.

- Thời điểm ký quỹ: lần đầu thực hiện trước khi đăng ký xây dựng cơ bản mỏ 30 ngày. Từ lần thứ hai trở đi sẽ thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Nghệ An.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố do xói mòn, trượt lở:

+ Thi công các hạng mục công trình đúng thiết kế, nhất là công tác đầm nén mặt bằng kỹ, tránh hiện tượng sụt lún, lở đất;

+ Không hoạt động vào những ngày mưa, lụt;

+ Hàng ngày thường xuyên kiểm tra các hạng mục công trình, đặc biệt là những nơi có độ dốc lớn và xử lý các vấn đề có nguy cơ xảy ra xói mòn trượt lở khi có mưa;

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố do mưa bão, thiên tai:

+ Theo dõi các hiện tượng thời tiết bất thường và giám sát sự an toàn của các công trình;

+ Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình tại mỏ trước những điều kiện thời tiết bất thường;

+ Thường xuyên kiểm tra bờ mỏ, taluy đường, phát hiện nơi xung yếu để tiến hành gia cố và xử lý ngay.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

+ Thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa các sự cố sạt lở, sự cố do mưa bão, thiên tai;

+ Thi công, cải tạo tuyến đường vận nội mỏ có bố trí các điểm tránh xe lên xuống và cắm các biển báo báo hiệu;

+ Khi làm việc, công nhân phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, chấp hành nghiêm chỉnh các quy phạm kỹ thuật an toàn và nội quy an toàn lao động;

+ Ban hành và tổ chức thực hiện các nội quy an toàn lao động cho toàn mỏ và được niêm yết ngay tại khu vực văn phòng mỏ;

+ Phối hợp với đơn vị đủ điều kiện theo pháp luật quy định để thực hiện công tác đào tạo huấn luyện an toàn lao động và đăng ký sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

+ Hệ thống biển báo, băng rôn, khẩu hiệu nhắc nhở về an toàn lao động được bố trí hợp lý tại các điểm dễ quan sát và tập trung đông công nhân;

+ Phổ biến kiến thức về vệ sinh an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn lao động của cán bộ công nhân viên. Qua đó có các biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời và thích hợp.

- Phòng chống cháy nổ:

+ Tất cả các CBCNV phải được tập huấn công tác phòng cháy, nổ theo đúng kỹ thuật an toàn lao động cháy, nổ hiện hành.

+ Treo biển báo cấm lửa, nội quy PCCC tại nhà kho và văn phòng của mỏ.

+ Hệ thống điện chiếu sáng, điện sản xuất phải có ổn áp, cầu dao điện, automat; dây điện phải đảm bảo đủ tải; không được sử dụng dây trần.

- An ninh trật tự:

+ Khai báo tạm trú tạm vắng với các cấp thẩm quyền để thực hiện quản lý tốt nhân khẩu.

+ Đưa ra những quy định nghiêm ngặt với công nhân lao động về tổ chức, ăn, nghỉ, sinh hoạt, tránh phát sinh mâu thuẫn không đáng có giữa công nhân với nhân dân địa phương gây mất ổn định xã hội và làm giảm tiến độ chung của dự án.

+ Phổ biến các quy định của luật pháp và các phong tục tập quán của dân cư địa phương đến từng cán bộ, công nhân.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện pháp luật, bảo đảm trật tự an ninh và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

+ Có biện pháp bảo vệ tài sản công để tránh mất cắp, từ đó gây mất trật tự xã hội.

+ Thông báo các hoạt động của dự án đến toàn thể nhân dân địa phương trong khu vực để dân thấy rõ lợi ích của dự án để người dân đồng tình, ủng hộ.

- Phòng ngừa dịch bệnh:

+ Giữ mối liên hệ tốt với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh xung đột trong quá trình thực hiện dự án.

+ Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác động phát sinh từ các hoạt động thi công dự án.

+ Tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân nhằm tránh phát sinh mâu thuẫn, xung đột với người dân địa phương, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực.

- An toàn giao thông:

+ Định kỳ duy tu, bảo dưỡng tuyến đường chở nguyên vật liệu và sản phẩm qua khu vực dân cư để đảm bảo phục vụ hoạt động vận chuyển của dự án;

+ Nghiêm túc tuân thủ Luật Giao thông đường bộ và thực hiện quy định đã cam kết.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Bảng 2: Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TTT	Công trình bảo vệ môi trường	Yêu cầu vận hành thử nghiệm
1	Hố lắng, hệ thống mương thu gom nước.	Không
2	Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.	Không
3	Bạt phủ xe vận tải.	Không
4	Kho lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn.	Không
5	Biển cảnh báo nguy hiểm, hàng rào thép gai, trồng cây.	Không
6	Bãi thải (lưu giữ đất tầng phủ, đất bóc).	Không
7	Hố lắng, hố thu nước, bể nước để vệ sinh xe ra, vào công trường.	Không

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng

a. Giám sát chất thải rắn

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh;

- Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn;

- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn;

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục;

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b. Giám sát chất thải nguy hại:

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại: dầu mỡ rò rỉ, giẻ lau,...;

- Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải nguy hại;

- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải nguy hại;

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục;

- Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giai đoạn khai thác

a. Khuyến khích giám sát môi trường không khí:

- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn; bụi lơ lửng.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực khai thác; 01 vị trí tại tuyến đường vận chuyển (đoạn giao với đường QL46C).

- Tần suất giám sát:

- + Tại khu vực khai thác: 3 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- + Tại tuyến đường vận chuyển (đoạn giao với QL46C): thực hiện lấy mẫu giám sát khi thời tiết khô hanh và lưu lượng phương tiện vận chuyển của dự án cao.

- Quy chuẩn áp dụng:

- + Tại khu vực khai thác: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02 : 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

- + Tại tuyến đường vận chuyển: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất thải rắn

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh.

Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn.

- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Quy chuẩn áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c. Giám sát chất thải nguy hại:

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại: dầu mỡ rò rỉ, giẻ lau,...

- Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải nguy hại.

- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tần suất: hàng ngày.

e. Giám sát khác:

- Nội dung: giám sát xói mòn, xói lở, trượt lở, bồi lắng, giám sát cháy rừng.

- Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ, diện tích rừng liền kề.

- Thời gian: thường xuyên./.

